

Thực hành HĐH MNM

Trịnh Tấn Đạt

Tuần 6

<https://sites.google.com/site/ttdat88>

Nội dung

- Quản lý người dùng (2).
- Quản lý nhóm người dùng.
- Quản lý gói phần mềm

Quản lý người dùng (2)

Log in another account

- Lệnh : `su username`

Nhấn “Ctrl + D” hoặc “exit” để logout

- Ví dụ : Thực hành

Tạo người dùng có

`username: user1`

Nhập các thông tin cho người này

Login vào tài khoản user1 vừa tạo

Tạo một số thư mục với lệnh `mkdir`; Dùng lệnh `ls`, `cd` để khảo sát thư mục cá nhân của người dùng user1

Login in trở lại với tài khoản nhà quản trị của bạn

Xóa người dùng vừa tạo

`sudo deluser --remove-home user1`

// xóa thư mục người dùng trong home

Quản lý người dùng (2)

Thay đổi mật khẩu:

- Nhà quản trị có quyền đặt lại mật khẩu cho các tài khoản khác

Lệnh: `sudo passwd username`

- Người dùng có thể tự đổi mật khẩu của mình

Lệnh: `passwd`

Quản lý người dùng (2)

- Xem trạng thái mật khẩu

Lệnh: `sudo chage -l username`

Quản lý người dùng (2)

- Đặt thời hạn cho mật khẩu

Account quá hạn (E) ngày 12/31/2020

Tuổi thọ ít nhất (m) 5 ngày

Tuổi thọ lâu nhất (-M) 90 ngày

Không hoạt động (-I) 5 ngày sau khi mật khẩu quá hạn

Cảnh báo trước (-W) 14 ngày trước khi mật khẩu quá hạn

`sudo chage -E 12/31/20120 -m 5 -M 90 -I 5 -W 14 username`

Quản lý người dùng (2)

- Ví dụ:

```
sudo chage -E 12/31/20120 username
```

```
sudo chage -l username
```

Quản lý người dùng (2)

- Thay đổi thư mục cá nhân

Lệnh : `usermod -d /home/new-home username`

- Xóa thư mục của user trong home (user đã bị xóa)

Lệnh: `sudo rm -rf /home/username`

Quản lý người dùng (2)

- Thực hành
 - Đăng nhập với tài khoản người dùng user1 , nếu không có thì tạo mới
 - Đánh lệnh pwd để xem thư mục home
 - Đăng nhập với tài khoản quản trị
 - Tạo thư mục /home/userone
 - Đổi home directory của người dùng user1 sang /home/userone
 - Đăng nhập với tài khoản người dùng user1
 - Đánh lệnh pwd để xem thư mục home

Quản lý nhóm người dùng

Nhóm người dùng

- Tập hợp nhiều tài khoản người dùng
- Được sử dụng để quản lý tài nguyên dễ dàng hơn
- Thành viên của một nhóm có quyền trên các tài nguyên được gán cho nhóm
- Được định nghĩa trong tập tin /etc/group
- Một tài khoản thuộc một nhóm chính và có thể thuộc nhiều nhóm phụ
- Nhóm chính mặc định trùng tên với tên tài khoản

Quản lý nhóm người dùng

Cơ sở dữ liệu nhóm

- /etc/group
 - Chứa thông tin về các nhóm
 - Mỗi dòng một nhóm người dùng, gồm 4 mục từ ngăn cách nhau bởi dấu hai chấm (:) như sau:

Groupname:password:gid:members

- Các member ngăn cách bởi dấu ,
- /etc/gshadow
 - Chứa mật khẩu của người quản trị nhóm, gồm các trường:
Groupname:Password:Admins:members

Quản lý nhóm người dùng

- Thêm nhóm
`sudo addgroup my-group`
- Thêm người dùng mới vào nhóm
`sudo adduser user-name my-group`
- Thêm người dùng đã có vào nhóm
`sudo usermod -G group-name user-name`
- Xóa nhóm
`sudo delgroup my-group`

Quản lý nhóm người dùng

- Thay đổi nhóm chính của một người dùng

Lệnh: `sudo usermod -g new-primary-group user-name`

Kiểm tra: `id user-name`

Quản lý nhóm người dùng

- Thực hành:
 - Tạo nhóm có tên là TempGroup
 - Add người dùng user1 vào TempGroup
 - Hiển thị danh sách các nhóm của user1 đang tham gia bằng lệnh: `id user1`
 - Cho biết nhóm chính của người dùng user1 là gì
 - Đăng nhập với người dùng user1, tạo thư mục dir1
 - Đánh lệnh `ls -ld dir1` để xem nhóm chủ sở hữu của dir1

Quản lý gói phần mềm

Một số công cụ quản lý gói cho Ubuntu.

- dpkg
 - cài đặt, xóa, tạo gói, nhưng không tự động tải về
- apt-get
 - Cài đặt, nâng cấp, cập nhật danh sách các gói từ kho chứa (repositories)
 - Tự động tải về các gói phụ thuộc
 - Nâng cấp cả hệ thống Ubuntu
- aptitude
 - Cung cấp giao diện menu/texte cho apt-get

Quản lý gói phần mềm

1. dpkg

- Dpkg là công cụ quản lý gói cho các hệ thống dựa trên Debian.
- Nó có thể cài đặt, gỡ bỏ, dịch gói, nhưng không thể tự động download và cài đặt các gói hoặc các phụ thuộc
- Ví dụ:
 - `dpkg -l` : xem danh sách các gói phần mềm đã được cài đặt.
 - `dpkg -l | grep zip` : tìm trong danh sách xem một gói nào đó đã được cài đặt hay chưa.
 - `dpkg -L zip` : xem danh sách các tập tin được cài đặt bởi một gói zip.
 - `dpkg -S /etc/host.conf` : Để biết gói nào đã cài đặt một tập tin, ví dụ tên tập tin `/etc/host.conf`

Quản lý gói phần mềm

- Ví dụ:
 - Để cài đặt gói mới từ bộ cài đặt, ví dụ file.deb, chạy lệnh:

```
sudo dpkg -i path/file.deb
```
 - Để gỡ bỏ một gói, ví dụ zip, chạy lệnh:

```
sudo dpkg -r zip
```
- *Note: Không nên sử dụng dpkg để gỡ bỏ các gói vì các phụ thuộc không được gỡ theo có thể dẫn đến dư thừa.

Quản lý gói phần mềm

2. Advanced Package Tool (apt)

- Cài đặt một hoặc nhiều gói

```
sudo apt-get install package1 [package2 ]
```

Ví dụ: `sudo apt-get install gedit`

- Xóa gói

```
sudo apt-get remove package1 [package2 ]
```

Ví dụ: `sudo apt-get remove gedit`

- Xóa gói và các files cấu h.nh liên quan

```
sudo apt-get --purge remove package1 [package2 ]
```

Quản lý gói phần mềm

- Tìm kiếm gói phần mềm
`sudo apt-cache search package-name`

Ví dụ:

- `sudo apt-cache search vlc`
- Cập nhật danh sách phần mềm
`sudo apt-get update`
- Cài đặt phần mềm wget
`sudo apt-get install wget`
- Lấy trang web
`wget http://www.google.com`
- Tải version mới nhất của WordPress
`wget https://wordpress.org/latest.zip`

Quản lý gói phần mềm

- Cập nhật danh sách các gói trên repositories mô tả trong `/etc/apt/sources.list`
`sudo apt-get update`
- Nâng cấp các gói đã cài đặt lên version mới nhất
`sudo apt-get upgrade`
- Nâng cấp phiên bản một cách thông minh
`sudo apt-get dist-upgrade packet1 package 2`
`sudo apt-get dist-upgrade`
- Xem hướng dẫn
`sudo apt-get help`
- Các lệnh apt được ghi nhật ký tại tệp `/var/log/dpkg.log`.